

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG LI-XĂNG

(CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU)

Số:/HĐCGQSDNH

Hợp đồng này được lập vào ngày tháng năm tại,
giữa các bên sau đây:

Bên A:

- Tên doanh nghiệp :
- Trụ sở chính :
- Điện thoại :
- Mã số thuế :
- Tài khoản số :
- Đại diện là :
- Chức vụ :

(sau đây gọi tắt là Bên Chuyển giao)

Bên B:

- Tên doanh nghiệp :
- Trụ sở chính :
- Điện thoại :
- Mã số thuế :
- Tài khoản số :
- Đại diện là :
- Chức vụ :

(Sau đây gọi tắt là Bên Nhận)

ĐIỀU 1: CĂN CỨ CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU

Bên Chuyển giao cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của nhãn hiệu sau đây tại Việt Nam: Nhãn hiệu Nhóm Sản phẩm Số đơn Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ ngày

ĐIỀU 2: CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU (LI -XĂNG)

Bên Chuyển giao bằng văn bản này chuyển giao cho Bên Nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu tại Việt Nam cho sản phẩm đã được đăng ký theo Số đơn quy định tại Điều 1 nêu trên, và Bên Nhận bằng văn bản này tiếp nhận quyền sử dụng nhãn hiệu theo đúng phương thức quy định trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 3: PHẠM VI CHUYỂN GIAO LI- XĂNG

2.1. Hình thức chuyển giao: Độc quyền

2.2. Lãnh thổ li-xăng: Việt Nam.

2.3. Thời hạn li-xăng: Hợp đồng sẽ có hiệu lực trong thời hạn... năm kể từ ngày Hợp đồng này được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ, trừ trường hợp bị huỷ bỏ hoặc chấm dứt trước thời hạn theo các điều kiện nêu tại Điều 5 dưới đây.

ĐIỀU 4: PHÍ CHUYỂN GIAO VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Phí chuyển giao: Ghi rõ phí chuyển giao và phương thức thanh toán (nếu có).

Phí chuyển giao:

Phương thức thanh toán: tiền mặt

4.2. Nghĩa vụ nộp thuế liên quan đến việc chuyển giao li-xăng:

Bên Chuyển giao sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm liên quan đến nghĩa vụ nộp thuế liên quan đến việc chuyển giao Li - xăng.

ĐIỀU 5: NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

5.1. Nghĩa vụ của Bên Chuyển giao:

- Bên Chuyển giao có nghĩa vụ giao đủ toàn bộ giấy tờ liên quan đến Nhãn hiệu kể từ khi Hợp đồng này có hiệu lực trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày ký kết, tại địa điểm và bằng phương thức như hai bên đã thỏa thuận.

- Bên Chuyển giao phải đảm bảo điều kiện về quyền sở hữu cho Bên nhận đối với Nhãn hiệu không bị tranh chấp bởi bên thứ ba, không vi phạm bản quyền.

- Nếu bên Nhận chậm thanh toán tiền và các chi phí khác thì bên Nhận phải trả tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

5.2. Nghĩa vụ của Bên Nhận:

- Bên nhận có trách nhiệm thực hiện mọi nghĩa vụ liên quan đến Nhãn hiệu sau khi được Bên Chuyển giao chuyển quyền đối với nhãn hiệu đang đăng ký bảo hộ.

ĐIỀU 6: ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG, THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1. Bên Nhận có nghĩa vụ tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký việc chuyển giao li - xăng này với Cục Sở hữu Trí tuệ của Việt Nam và tự chịu mọi chi phí liên quan.

6.2. Hợp đồng này được xem như có hiệu lực kể từ ngày được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam xác nhận đăng ký và sẽ duy trì hiệu lực đầy đủ trừ khi chấm dứt trước thời hạn theo các điều khoản khác của Hợp đồng.

6.3 Hợp đồng có thể được gia hạn theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa các bên trên cơ sở các điều khoản và điều kiện do hai bên thỏa thuận và được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

ĐIỀU 7: DUY TRÌ HIỆU LỰC CỦA NHÃN HIỆU

Bên Chuyển giao đảm bảo có đầy đủ quyền hợp pháp và chính đáng đối với Nhãn hiệu, cũng như quyền cấp Li - xăng sử dụng nhãn hiệu tại thời điểm kí kết hợp đồng này. Đồng thời, Bên Chuyển giao cam kết nỗ lực hết sức trong việc đảm bảo và duy việc hiệu lực của đăng ký Nhãn hiệu tại Việt Nam trong suốt thời hạn của Hợp đồng.

ĐIỀU 8: CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ SỬA ĐỔI, ĐÌNH CHỈ, VÔ HIỆU HỢP ĐỒNG

8.1 Mọi sửa đổi hoặc bổ sung đối với Hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực khi lập thành văn bản, chữ ký bởi đại diện có thẩm quyền của các Bên và được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

8.2 Hợp đồng sẽ bị đình chỉ hoặc chấm dứt hiệu lực nếu quyền sở hữu công nghiệp của Bên Chuyển giao bị chấm dứt hiệu lực hoặc huỷ bỏ hoặc trong trường hợp bất khả kháng.

ĐIỀU 9: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp liên quan và/hoặc phát sinh từ Hợp Đồng này sẽ được bàn bạc giải quyết trên tinh thần thương lượng, hòa giải giữa Các Bên. Trong trường hợp không thể giải quyết thông qua thương lượng hòa giải, mỗi Bên có thể đưa tranh chấp ra để giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này. Ngôn ngữ dùng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt.

ĐIỀU 10: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

10.1. Sự kiện bất khả kháng có nghĩa là những sự kiện nằm ngoài sự kiểm soát của các Bên, không thể lường trước được khiến cho bất cứ Bên nào hoặc cả Hai bên

không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này: Sự cấm đoán, hành vi hoặc sự trì hoãn của Chính phủ, của chính quyền địa phương; bạo loạn, chiến tranh, tình trạng khẩn cấp của Quốc gia (cho dù có tuyên bố hay không) bạo động hoặc đình công, động đất hoặc các thiên tai khác; Sự thay đổi của chính sách, pháp và tất cả các sự kiện khác nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên (“Sự Kiện Bất Khả Kháng”).

10.2. Trường hợp một Bên bị trì hoãn hoặc cản trở thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng do Sự Kiện Bất Khả Kháng (“Bên Bị Ảnh Hưởng”), Bên Bị Ảnh Hưởng phải:

- (i) Thông báo bằng văn bản tới Bên còn lại về Sự Kiện Bất Khả Kháng và những chứng cứ hợp lý của sự kiện này.
- (ii) Gửi thông báo bằng văn bản tới Bên còn lại thông báo về sự trì hoãn hoặc trở ngại này sớm nhất trong khả năng có thể và xác định ngày bắt đầu và mức độ của sự trì hoãn hoặc trở ngại này, nguyên nhân của sự trì hoãn hoặc trở ngại này và thời gian ước tính của sự trì hoãn hoặc trở ngại này.
- (iii) Sử dụng tất cả những nỗ lực hợp lý để giảm thiểu tới mức thấp nhất tác động của sự trì hoãn hoặc trở ngại này đến việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Hợp Đồng này; và
- (iv) Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình sớm nhất có thể sau khi loại bỏ được lý do gây ra sự trì hoãn hoặc trở ngại này.

10.3. Khi xảy ra Sự kiện bất khả kháng, thời hạn để thực hiện nghĩa vụ bị chậm trễ do bị ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng sẽ được kéo dài tương ứng với thời gian tồn tại của Sự kiện bất khả kháng mà Bên chịu ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này. Nếu sau ba (03) tháng liên tiếp, kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng mà Bên chịu ảnh hưởng không thể tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình thì một trong các bên có quyền chấm dứt và tiến hành thanh lý Hợp đồng này.

ĐIỀU 11: THÔNG BÁO

11.1. Bất kỳ thông báo, yêu cầu, thông tin, mọi thay đổi về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi trong các điều khoản đã thỏa thuận, khiếu nại phát sinh liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản bằng Tiếng Việt và gửi đến các địa chỉ ở phần đầu Hợp đồng này hoặc địa chỉ thay đổi sau này theo thông báo của Hai Bên.

11.2. Trong trường hợp không có thỏa thuận khác, tất cả các thông báo sẽ được gửi qua bưu điện hoặc giao trực tiếp. Khi bưu điện không phát thư được vì bất kỳ lý do gì thì Bên thông báo sẽ thông tin cho Bên kia được biết và gửi thông báo bằng fax hoặc

thư điện tử cho Bên kia. Trong một số trường hợp đặc biệt khẩn cấp, một trong Hai Bên đồng ý hình thức thông báo cho Bên kia bằng điện thoại trực tiếp.

11.3. Hai Bên thống nhất rằng, các thông báo, yêu cầu, thông tin, khiếu nại được coi là đã nhận nếu đúng địa chỉ, đúng tên người nhận, đúng hình thức thông báo theo thỏa thuận tại Khoản 1,2 nêu trên và thời gian được xác định như sau:

a. Khi giao trực tiếp: là ngày gửi và có chữ ký của người nhận thông báo;

b. Khi gửi qua bưu điện: sau 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày đóng dấu bưu điện đến;

c. Khi gửi qua fax: là thời điểm Bên đó nhận được được tín hiệu chuyển fax thành công;

d. Trong các trường hợp này, nếu ngày tương ứng rơi vào ngày chủ nhật hoặc ngày lễ của Việt Nam thì các thông báo, yêu cầu, khiếu nại hoặc thư từ giao dịch... nói trên sẽ được xem như bên kia nhận được vào ngày kế tiếp.

11.4. Hai Bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết nếu có đề nghị thay đổi địa chỉ, hình thức, tên người nhận thông báo... Nếu Bên có thay đổi không thông báo lại cho Bên kia biết thì Bên gửi thông báo không chịu trách nhiệm về việc Bên có thay đổi không nhận được các văn bản thông báo.

ĐIỀU 12: BẢO MẬT

12.1. Tại Hợp đồng này, các Thông Tin Mật được hiểu là toàn bộ các thông tin của bất kỳ Bên nào, bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ các thông tin về hoạt động kinh doanh, thông tin tài chính, cơ cấu tổ chức, thông tin khách hàng, thông tin tiếp thị, bí quyết và bí mật kinh doanh liên quan đến hoạt động của Bên đó, thông tin liên quan đến việc hợp tác theo hợp đồng này hay việc kinh doanh.

12.2. Một Bên đảm bảo, thừa nhận và cam kết với Bên kia rằng: Tất cả các Thông Tin Mật sẽ được sử dụng duy nhất cho mục đích của Hợp đồng này; được bảo mật tuyệt đối; không được sao chép trừ trường hợp thật sự cần thiết trong phạm vi được ủy quyền; và được hoàn trả và/hoặc hủy bỏ sau khi chấm dứt Hợp đồng.

12.3. Nghĩa vụ bảo mật thông tin nêu tại Điều này không được áp dụng cho bất kỳ thông tin nào: (i) là hoặc trở thành một phần của thông tin đã được phổ biến ra công chúng trừ trường hợp thông tin bị tiết lộ là hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin quy định tại Hợp đồng này; hoặc (ii) đã được thể hiện trong các báo cáo có trước ngày Hợp đồng này có hiệu lực; hoặc (iii) được tiết lộ một cách độc lập từ một Bên thứ ba có quyền được tiết lộ những thông tin này; hoặc (iv) buộc phải tiết lộ theo

quy định của pháp luật hiện hành hoặc theo yêu cầu của tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

12.4. Nếu một Bên vi phạm quy định về bảo mật thông tin và không khắc phục trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên bị vi phạm, hoặc vi phạm lần 2 thì Bên bị vi phạm có quyền chấm dứt Hợp đồng này, sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm.

ĐIỀU 13: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

13.1. Hợp đồng này được giải thích và hiểu theo pháp luật Việt Nam.

13.2. Các bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các điều khoản của Hợp đồng. Các điều khoản, nội dung công việc cam kết trong Hợp đồng khi cần có thể được sửa đổi, bổ sung, lập phụ lục thỏa thuận Hợp đồng giữa Hai bên. Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung hoặc lập Phụ lục Hợp đồng phải được lập thành văn bản, có chữ ký của Hai bên và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng.

13.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày Hai Bên ký kết. Hợp đồng này là toàn bộ thỏa thuận giữa các bên và thay thế bất kỳ thỏa thuận, cam kết, sắp xếp, thông đạt hoặc diễn đạt ý định nào mà có liên quan đến nội dung Hợp đồng này. Hợp đồng này được xem là kết thúc khi có Biên bản thanh lý Hợp đồng được đại diện hợp pháp của 02 Bên ký kết.

13.4. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau; mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

13.5. Hợp đồng này được ký bởi đại diện có thẩm quyền của các Bên vào ngày được nêu ở phần đầu.

ĐẠI DIỆN BÊN CHUYỂN GIAO

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN